

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20/5/2020

V/v “Ly hôn giữa chị Tr và anh Q”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hà Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Giáp Hồng Thanh

2. Ông Nguyễn Văn Kiềm

- Thư ký phiên toà: bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Trần Thị Tr, sinh năm 1989; Nơi ĐKKHKT: thôn C, xã Ph, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Hiện cư trú: thôn Ng, xã T, huyện Ph, tỉnh Thái Nguyên (có mặt)

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1990; Nơi cư trú: thôn C, xã Ph, huyện T, tỉnh Bắc Giang (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 17/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Trần Thị Tr trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Q kết hôn ngày 31/7/2012, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu tại gia đình anh Q ngay, ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2016 anh Q đi xuất khẩu lao động, được khoảng vài tháng thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không còn tình cảm, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không thể khắc phục được.

Đến tháng 12/2019, anh Q hết hạn hợp đồng về nước, tuy nhiên chị và anh Q sống ly thân, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống nên chị xin ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: chị và anh Q có 01 con chung là Nguyễn Hồng Q1, sinh ngày 28/12/2012. Hiện con chung đang do chị nuôi dưỡng, chăm sóc. Ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Tr vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu trên.

Tại bản tự khai ngày 18/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – anh Nguyễn Văn Q trình bày: Anh thừa nhận về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và quá trình sống chung, thời điểm mâu thuẫn như chị Tr trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh trình bày do vợ chồng không còn tình cảm, bất đồng quan điểm sống, chung sống không hạnh phúc. Vì mâu thuẫn trầm trọng nên kể từ khi anh hết hạn hợp đồng về nước đến nay anh và chị Tr sống ly thân, vợ chồng không quan tâm chăm sóc cho nhau. Gia đình đã nhiều lần hòa giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm về đoàn tụ nhưng không thành. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn với chị Tr.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Nguyễn Hồng Q1, sinh ngày 28/12/2012. Hiện nay con chung đang ở với chị Tr. Ly hôn anh xin được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Tại phiên tòa: anh Q có mặt và giữ nguyên ý kiến trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hoà giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS; HĐXX đảm bảo về thành phần, nguyên tắc xét xử; tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đủ, đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm; Thư ký chấp hành đúng quyền hạn, trách nhiệm theo quy định; Nguyên đơn, bị đơn có ý thức chấp hành các quy định của BLTTDS. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Tr và

anh Q; Về con chung: Giao cho chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hồng Q1, sinh ngày 28/12/2012. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Tr.; Về án phí: chị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến đề nghị của đương sự, Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: ngày 18 tháng 02 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Tr với bị đơn là anh Nguyễn Văn Q ở thôn C, xã Ph, huyện T là theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét các yêu cầu của nguyên đơn thấy:

[2] Về tình cảm vợ chồng: chị Trần Thị Tr và anh Nguyễn Văn Q kết hôn ngày 31/7/2012, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã Ph, huyện T, tỉnh Bắc Giang là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật. Tình cảm vợ chồng ban đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không còn tình cảm, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng sống ly thân từ khi anh Q đi xuất khẩu lao động cho đến nay. Đến tháng 12/2019, anh Q hết hạn hợp đồng về nước nhưng chị Tr và anh Q vẫn sống ly thân, vợ chồng không quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Chị Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên có đơn xin ly hôn với anh Q. Anh Q cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn với chị Tr. Quá trình làm việc với gia đình và đại diện chính quyền địa phương thì thấy hiện mâu thuẫn giữa chị Tr và anh Q đã trầm trọng. Tại phiên tòa hôm nay, chị Tr, anh Q thuận tình ly hôn. HĐXX thấy cần áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân gia đình để công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Tr và anh Q.

[3] Về con chung: quá trình chung sống chị Tr, anh Q có 01 con chung là Nguyễn Hồng Q1, sinh ngày 28/12/2012, hiện đang do chị Tr chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, chị Tr, anh Q đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy: chị Tr và anh Q đều có đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên cháu Q1 đang do chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, chị Tr hiện làm công nhân tại công ty may VINAHAN tại xã Phúc Sơn, thu nhập 7.000.000 đồng/01 tháng, đảm bảo việc nuôi con chung. Ngoài ra, cháu Q1 cũng đã có bản tự khai tại Tòa án đề nghị cho cháu được tiếp tục sinh sống cùng mẹ. Phía đại diện nhà trường nơi cháu Q1 đang

theo học cũng xác nhận hiện cháu Q1 phát triển bình thường cả về thể chất và tinh thần, chị Tr vẫn đảm bảo việc học hành của con. Tại phiên tòa chị Tr xin được tiếp tục nuôi con chung là yêu cầu chính đáng và cũng đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình nên HĐXX thấy cần giao cho chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Tr không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: chị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình, xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Tr và anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Tr tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hồng Q1, sinh ngày 28/12/2012. Anh Nguyễn Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Tr.

Sau khi ly hôn, anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Trần Thị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0006206 ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Tr đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát Tân Yên;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục T.H.A Tân Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Ph;
- Lưu hồ sơ;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Hà Giang